

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 73/2023/DS-PT

Ngày: 09-2-2023

V/v Kiện đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân

Ông Nguyễn Duy Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngô Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 2 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn C - Sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn D - Sinh năm 1966

Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Đình H - Luật sư Văn phòng luật sư C - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. *Người làm chứng:*

- Ông Phạm Văn H1 - Sinh năm 1970 (Có mặt)

- Bà Phạm Thị D1 - Sinh năm 1976 (Có mặt)

- Ông Phạm Văn Th - Sinh năm 1985 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Đoàn Văn T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Đặng Phi H2 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 07 TP, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Vào năm 2013, do nhu cầu của người dân nên ông C đứng ra thi công kéo đường dây điện hạ thế ba pha từ huyện H đến buôn M, xã C, huyện B và buôn E, xã S, huyện B. Khi đó ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn H1 và ông Trần Văn D vận động được một số hộ dân tham gia đóng tiền để được sử dụng điện, mỗi hộ phải đóng 15.000.000 đồng/1ha. Khi kéo đường dây điện ông C có thỏa thuận với ông Th, ông H1 và ông D nội dung: Nếu ứng trước cho ông C số tiền 90.000.000 đồng và vận động đủ 25ha điện thì ông C sẽ kéo đường dây điện hạ thế ba pha tại khu vực này. Đồng thời sẽ trả cho mỗi hộ (ông D, ông Th, ông H1) tiền 1ha tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, ông C có nhận đủ số tiền ứng trước 90.000.000 đồng do ông D nộp, ông C không rõ số tiền này từng hộ đóng bao nhiêu. Sau khi hoàn thành đường dây điện, ông D là người trực tiếp đi thu tiền đầu sào của từng hộ. Tổng cộng có 25 hộ dân tham gia đóng tiền để được sử dụng điện. Ông Trần Văn D là người trực tiếp thu tiền điện của 25 hộ/23,7ha = 355.500.000 đồng (có danh sách kèm theo). Việc này là do họp dân bầu ông D đi thu chứ ông C và ông D không có văn bản gì thỏa thuận việc thu tiền.

Sau khi đã thu tiền thì ông Trần Văn D chỉ nộp lại cho ông C cùng với ông Đặng Phi H2 (khi đó là Giám đốc điện lực H tổng số tiền 285.000.000 đồng. Trong đó ông D nộp trực tiếp cho ông C 150.000.000 đồng, nộp cho ông Đặng Phi H2 số tiền 135.000.000 đồng). Như vậy ông D còn nộp thiếu số tiền 75.500.000 đồng. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu ông D phải trả số tiền còn thiếu là 75.500.000 đồng. Đối với thỏa thuận cho hộ ông D, ông H1, ông Th mỗi hộ

1ha, tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng ông C không đồng ý cho vì diện tích vận động các hộ dân tham gia kéo đường dây điện ba pha không đủ theo thỏa thuận ban đầu là 25ha.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, vì ông D không nợ ông C bất kỳ khoản tiền nào, không ký với ông C bất kỳ hợp đồng nào và không có trách nhiệm phải trả cho ông C bất kỳ khoản tiền nào.

Còn các khoản tiền đã giao nhận cụ thể như sau:

- Sáng ngày 30/12/2013, ông D giao cho ông C số tiền 40.000.000 đồng tại nhà của ông D tọa lạc tại buôn M, xã C, ông C có viết vào vở ô ly học sinh, có ký nhận và có ông Đoàn Văn T chứng kiến.

- Chiều ngày 30/12/2013, ông D giao cho ông C số tiền 40.000.000 đồng tại rẫy nơi đổ trụ điện tọa lạc tại buôn M, xã C, ông C viết vào phiếu thu có ký xác nhận và có ông T, ông Phạm Văn Th chứng kiến.

- Ngày 20/01/2014, ông D giao cho ông C số tiền 110.000.000 đồng tại nhà ông D, ông C có viết giấy và có ký xác nhận.

- Ngày 02/3/2014, ông D giao cho ông Đặng Phi H2 (lúc này ông H2 đang là Giám đốc điện lực H) số tiền 60.000.000 đồng có phiếu thu và ông H2 có ký xác nhận.

- Sau đó ông D giao tiếp cho ông H2 số tiền 75.000.000 đồng, ông H2 có ghi phiếu nhưng không ghi ngày tháng nên ông D cũng không nhớ rõ ngày tháng giao tiền.

- Ngày 30/3/2014, ông D có giao cho ông C số tiền 8.000.000 đồng, ông C viết giấy và có ký nhận.

- Ngày 03/3/2015, ông D có giao cho ông Đoàn Văn T số tiền 4.500.000 đồng, ông T viết hóa đơn và có ký nhận.

- Ông D đã bỏ ra số tiền 14.535.000 đồng để mua dây và cột điện để kéo chi nhánh cho các hộ dân và tiền công di chuyển cột chôn do ông C thuê ông D làm.

Tổng số tiền ông D đã giao cho ông C cùng các khoản chi phí là 352.035.000 đồng. Ông D yêu cầu trừ số tiền mà ông C thỏa thuận cho 45.000.000 đồng tương đương 03 ha điện mà ông C đã thỏa thuận ban đầu. Ông

D khẳng định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì ông D và ông C không ký kết hợp đồng thỏa thuận việc kéo đường dây điện 3 pha cho các hộ dân, cũng như ông D không có trách nhiệm phải đóng cho ông C các khoản tiền mà ông C yêu cầu.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Phạm Văn Th trình bày:

Giữa ông Th và ông Lê Văn C, ông Trần Văn D không có quan hệ họ hàng gì, chỉ quen biết với nhau. Vào năm 2013, ông Th cùng với ông Trần Văn D, ông Phạm Văn H1 có rủ nhau mắc đường dây điện 03 pha vào rẫy. Chúng tôi có liên hệ với ông C để họp thống nhất về giá điện, kéo đường dây điện. Trong quá trình làm thì ông Th, ông H1, ông D đi vận động dân ai tham gia kéo điện thì đến nhà ông D đóng tiền, với số tiền 15.000.000 đồng/ha. Ông C có giao kết nếu chúng tôi vận động được đủ 25ha thì cho mỗi hộ 1ha tương đương với 15.000.000 đồng, nếu không đủ thì chúng tôi mất tiền cọc; lúc đó mỗi hộ đã đặt cọc cho ông C 30.000.000 đồng. Ông D là người thu tiền của dân, ông D đưa tiền nộp cho ông C. Có một lần ông Th chứng kiến ông D đưa cho ông C 40.000.000 đồng để ông C đỡ trụ, ngày nào thì ông Th không nhớ; ông Th có ký tham gia chứng kiến vào giấy tay. Ngoài ra ông D có đưa tiền như thế nào nữa thì ông Th không biết, không chứng kiến. Về số tiền được hứa cho 1ha tương đương 15.000.000 đồng ông Th chưa nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông C, ông D.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Phạm Văn H1 trình bày:

Giữa ông H1 và ông Lê Văn C, ông Trần Văn D không có quan hệ họ hàng gì, chỉ quen biết với nhau. Vào năm 2013, ông H1 cùng với ông Trần Văn D, ông Phạm Văn Th có rủ nhau mắc đường dây điện 03 pha vào rẫy. Sau đó chúng tôi có liên hệ với ông C để bàn việc thi công như thế nào. Trong quá trình làm thì ông H1, ông D, ông Th đi vận động dân ai tham gia kéo điện thì đến nhà ông D đóng tiền, với số tiền 15.000.000 đồng/ha. Ông C và chúng tôi có giao kết nếu chúng tôi vận động được đủ 25ha thì cho chúng tôi mỗi hộ 1ha tương đương với 15.000.000 đồng, nếu không đủ thì chúng tôi mất tiền cọc; lúc đó mỗi hộ đã đặt cọc cho ông C 30.000.000 đồng. Ông D là người thu tiền của dân, ông D đưa tiền nộp cho ông C. Có một lần ông H1 chứng kiến và đi cùng với ông D đến điện lực H và nộp cho ông H2, ngày nào thì ông H1 không nhớ nhưng vào năm 2013; số tiền bao nhiêu thì ông H1 không rõ. Ngoài ra ông D có đưa tiền như thế nào nữa thì ông H1 không biết, không chứng kiến. Về số tiền được hứa cho 1ha tương đương 15.000.000 đồng ông H1 chưa nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông C, ông D.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Đặng Phi H2 trình bày:

Trước đây ông Đặng Phi H2 làm Giám đốc điện lực H, ngày 01/3/2018 ông H2 đã nghỉ hưu theo chế độ. Năm 2014, điện lực H có ký hợp đồng mắc điện 3 pha cho các hộ dân tại buôn M, xã C, huyện B. Người ký hợp đồng là ông Đoàn Văn T đại diện chủ đầu tư, người thi công đường dây điện là ông Lê Văn C. Việc thu tiền để kéo đường dây điện là do ông Đoàn Văn T, ông Lê Văn C và ông Trần Văn D thu của các hộ dân, ông C là người thu tiền chính để về quyết toán với điện lực H. Tổng số tiền công trình là bao nhiêu thì ông H2 không nhớ do thời gian đã lâu và không có hồ sơ lưu. Trong quá trình thi công công trình thì ông H2 có trực tiếp viết giấy nhận tiền do ông Trần Văn D nộp 02 lần, lần 01 vào ngày 02/3/2014 nhận 60.000.000 đồng, lần 02 nhận 75.000.000 đồng không đề ngày tháng năm nên ông H2 không nhớ vào thời gian nào, chỉ xác nhận đó là thu tiền làm đường dây điện 3 pha tại buôn M, xã C. Hiện nay đường dây điện 3 pha tại buôn M, xã C đã hoàn thành, bàn giao cho các hộ dân sử dụng, phía chủ đầu tư đã hoàn thành hợp đồng và thanh toán đủ tiền cho điện lực H.

Về việc ông Lê Văn C hứa thưởng cho ông Phạm Văn H1, ông Phạm Văn Th và ông Trần Văn D mỗi người 01ha (tương đương 15.000.000 đồng) khi hoàn thành công trình thì ông H2 không biết. Đến khi có vụ kiện tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thì ông H2 mới biết. Nay ông Lê Văn C khởi kiện ông Trần Văn D phải thanh toán số tiền 90.000.000 đồng, ý kiến của ông H2 như sau: Đến nay đường dây điện 3 pha tại buôn M, xã C đã thanh quyết toán xong, phía chủ đầu tư và điện lực H không nợ nần gì nhau. Về yêu cầu khởi kiện của ông C, đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do ông C và ông D cung cấp để giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì khi ông C hứa thưởng cho các hộ dân thì cá nhân ông H2 khi đó là Giám đốc điện lực H hoàn toàn không biết.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Đoàn Văn T trình bày:

Vào năm 2013 ông T là đại diện chủ đầu tư kéo đường dây điện hạ thế ba pha với điện lực H để kéo đường dây điện 3 pha hạ thế buôn M, xã C, huyện B và buôn E, xã S. Khi làm đường dây điện chủ yếu là phục vụ tại khu T, buôn M. Sau khi làm xong đường dây điện ba pha tại buôn M thì có một số hộ dân tại buôn E, xã S có đến xin được đấu nối vào đường dây của buôn M để có điện ba pha phục vụ cho việc tưới nước và sinh hoạt (do lúc này buôn E chưa có điện lưới). Thời điểm đó có ông Trần Văn D, ông Phạm Văn H1 và ông Phạm Văn Th thay mặt các hộ dân đến đặt vấn đề xin kéo nhờ đường dây điện của buôn M, lúc đó ông C là người thi công đường điện có yêu cầu nếu huy động đủ 25ha thì cho đấu nối đường điện. Sau đó các hộ dân tại buôn E đã tổ chức họp và thống

nhất đầu nối đường điện với giá tiền là 15.000.000 đồng/ha, với số lượng sau khi hoàn thành đường dây là 23,7ha.

Quá trình thi công thì ông D là người trực tiếp thu tiền của các hộ dân tại buôn E, xã S sau đó chuyển tiền lại cho ông C thanh quyết toán với điện lực H, ông T không thu tiền của hộ dân nào tại đường dây buôn E.

Tổng số tiền của công trình bao nhiêu thì ông T không biết vì ông C là người trực tiếp làm việc với ông D, nhưng ông T có nghe nói và tham gia cuộc họp với các hộ dân thì được biết tổng số tiền là hơn 350.000.000 đồng. Ông T có biết việc ông C hứa sẽ cho ông Th, ông H1, ông C mỗi người 01ha (tương đương 15.000.000 đồng) nếu huy động đủ 25ha.

Về việc giao nhận tiền giữa ông C và ông D ngày 30/12/2013, ông T có ký xác nhận chủ đầu tư vào 01 giấy nhận tiền và 01 phiếu thu cùng số tiền 40.000.000 đồng (01 giấy viết vào cuốn vở học sinh tại nhà ông D, 01 phiếu thu). Thực tế đây là ông D giao tiền 40.000.000 đồng đặt cọc cho ông C để thi công đường cột, chỉ giao 01 lần số tiền 40.000.000 đồng, do ông D yêu cầu phải có phiếu thu nên sau khi ông C viết vào giấy vở học sinh tại nhà ông D thì tôi có về nhà lấy phiếu thu ra để viết phiếu thu có chữ ký chủ đầu tư là tôi, chữ ký thủ quỹ là ông C và người nộp tiền là ông D, thực tế thì ngày 30/12/2013 ông D chỉ giao nộp cho ông C 01 lần số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra giữa ông C và ông D còn những lần giao nhận tiền nào khác thì ông T không biết.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 03/3/2015, ông T thu của ông D thì số tiền này không liên quan gì đến việc thi công đường dây điện ba pha tại buôn E vì đây là tiền truy thu 3 sào tương đương 4.500.000 đồng ông D còn thiếu khi đóng tiền diện tích đất rẫy để kéo điện, lúc này đường dây điện buôn E đã quyết toán xong.

Đến nay đường dây điện ba pha tại buôn E đã thanh quyết toán xong từ tháng 4/2014, không còn nợ nần gì đối với điện lực H. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với ông Trần Văn D thì ông T không có ý kiến gì vì đó là việc cá nhân của ông C và ông D, đề nghị Tòa án căn cứ chứng cứ các bên cung cấp để giải quyết theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C, buộc bị đơn ông Trần Văn D phải trả cho ông C số tiền 40.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu ông Trần Văn D phải hoàn trả số tiền 35.500.000 đồng do không có căn cứ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06/10/2022 bị đơn ông Trần Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Lê Văn C giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Trần Văn D giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hồ Đình H trình bày:

Qua các chứng cứ của nguyên đơn và bị đơn cung cấp, chứng cứ được cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ vụ án tôi nhận định như sau:

Các chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa được đánh giá một cách khách quan thể hiện ở chỗ, số hộ tham gia sử dụng điện năm 2013 do ông C đứng ra thi công không đúng theo nhận định của bản án, tại tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện được số người thực tế sử dụng điện là bao nhiêu hộ. Số diện tích các hộ sử dụng điện là bao nhiêu ha cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Bản án sơ thẩm căn cứ vào đâu mà buộc ông D phải nộp số tiền 348.000.000 đồng. Với diện tích hiện tại thì chưa xác định được số hộ sử dụng điện là bao nhiêu hộ và bao nhiêu ha, theo ông D cho biết sau khi thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư tự đi khảo sát từng hộ và tự thu tiền.

Đối với số tiền ông D nộp vào ngày 30/12/2013 là nộp hai lần với số tiền mỗi lần là 40.000.000 đồng tại hai thời điểm khác nhau, có người làm chứng tham gia khác nhau. Vì vậy, cần phải chấp nhận khấu trừ cho ông D.

Từ những phân tích trên cho thấy việc xác minh đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa được chính xác, khách quan. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí nên thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông Trần Văn D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào năm 2013, ông C thi công kéo đường dây điện hạ thế ba pha từ huyện H đến buôn M, xã C, huyện B và buôn E, xã S, huyện B, chủ đầu tư là ông Đoàn Văn T. Ông D, ông Th, ông H1 là người đứng ra kêu gọi các hộ dân tại buôn E, xã S đóng tiền để kéo đường dây điện ba pha từ điện lực H. Số hộ dân tham gia kéo đường dây điện là 25 hộ/23,7ha với số tiền 15.000.000đ/ha = 355.500.000 đồng. Khi kéo đường dây điện thì ông C có thỏa thuận với các hộ ông Th, ông H1 và ông D nội dung: Nếu ứng trước cho ông C số tiền 90.000.000 đồng và vận động đủ 25 ha điện thì ông C sẽ kéo đường dây điện hạ thế ba pha tại khu vực này. Đồng thời, ông C sẽ trả cho mỗi hộ (ông D, ông Th, ông H1) tiền 1ha tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng. Quá trình tham gia tố tụng ông C và ông D đều khẳng định các hộ dân tham gia kéo điện đã đóng đủ tiền điện trên diện tích đất rẫy tương ứng, đến nay không còn hộ dân nào nợ tiền kéo đường dây điện.

Ông D cho rằng đã nộp đủ tiền cho ông C và ông H2 (Giám đốc điện lực H) với tổng số tiền là 352.035.000 đồng, bao gồm các khoản sau: Sáng ngày 30/12/2013, giao số tiền 40.000.000 đồng tại nhà của ông D, ông C có viết vào vở ô ly học sinh có ký nhận và có ông Đoàn Văn T chứng kiến. Chiều ngày 30/12/2013, giao số tiền 40.000.000 đồng tại rẫy nơi đổ trụ điện tọa lạc tại buôn M, xã C, ông C viết vào phiếu thu có ký xác nhận và có ông T, ông Phạm Văn Th chứng kiến. Ngày 20/01/2014, giao số tiền 110.000.000 đồng tại nhà ông D, ông C có viết giấy và có ký xác nhận. Ngày 02/3/2014, giao cho ông Đặng Phi H2 số tiền 60.000.000 đồng có phiếu thu và ông H2 có ký xác nhận. Sau đó ông D giao tiếp cho ông H2 số tiền 75.000.000 đồng, ông H2 có ghi phiếu nhưng không ghi ngày tháng. Ngày 30/3/2014, giao số tiền 8.000.000 đồng, ông C viết giấy và có ký nhận. Ngày 03/3/2015, ông D có giao cho ông Đoàn Văn T số tiền 4.500.000 đồng, ông T viết hóa đơn và có ký nhận, ông D đã bỏ ra số tiền 14.535.000 đồng để mua dây và cột điện để kéo chi nhánh cho các hộ dân và tiền công di chuyển cột chôn do ông C thuê ông D làm ông C không thừa nhận các khoản tiền khác mà ông D kê khai. Ông C cho rằng: Ông D mới nộp được số tiền 285.000.000 đồng, bao gồm các khoản sau: Ngày 30/12/2013, nhận số tiền 40.000.000 đồng để đổ trụ điện, ông C viết vào giấy vở ô ly học sinh và ký xác nhận, sau đó ông T có đưa phiếu thu có ký xác nhận của ông C và ông T, thực tế ngày 30/12/2013 ông C chỉ nhận một lần số tiền 40.000.000 đồng; ngày 20/01/2014, nhận số tiền 110.000.000 đồng tại nhà ông D, ông C có viết giấy và có ký xác nhận; số tiền ông D nộp cho ông H2 02 lần là 135.000.000 đồng. Ngoài các lần nhận tiền trên ông C không thừa nhận các khoản tiền khác mà ông D kê khai.

Nhận thấy, mặc dù giữa ông Lê Văn C và ông Trần Văn D không ký biên bản hay thỏa thuận gì về việc thi công đường dây điện ba pha tại buôn E, xã S, và ông D là người đi thu tiền làm đường điện của các hộ dân. Tuy nhiên, trên thực tế có việc ông C đứng ra kéo đường điện ba pha và ông D là người thu tiền điện các hộ dân và đưa tiền lại cho ông C, ông H2 (Giám đốc điện lực H), điều này đã được các bên thừa nhận. Qua chứng cứ các bên cung cấp và lời khai của người làm chứng thì xác nhận: Các khoản tiền mà ông D đã giao nộp cho ông C và ông H2 gồm các khoản sau: Ngày 30/12/2013 chỉ giao một lần cho ông C số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 20/01/2014, giao cho ông C số tiền 110.000.000 đồng. Ngày 02/3/2014, giao cho ông Đặng Phi H2 số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó giao tiếp cho ông H2 số tiền 75.000.000 đồng, ông H2 có ghi phiếu nhưng không ghi ngày tháng. Ngày 30/3/2014, giao cho ông C số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền ông D đã giao nộp cho ông C và ông H2 là 293.000.000 đồng.

Đối với ý kiến của D cho rằng đã giao nộp cho ông C ngày 30/12/2013 giao

nộp cho ông C 2 lần số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 03/3/2015, giao cho ông Đoàn Văn T số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền 14.535.000 đồng ông D bỏ ra để mua dây và cột điện để kéo chi nhánh cho các hộ dân và tiền công di chuyển cột chôn do ông C thuê ông D làm nên khấu trừ cho ông D là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo lời khai của ông T là người làm chứng xác định, ngày 30/12/2013 chỉ giao 01 lần số tiền 40.000.000 đồng, do ông D yêu cầu phải có phiếu thu nên sau khi ông C viết vào giấy vở học sinh tại nhà ông D thì ông T có về nhà lấy phiếu thu ra để viết phiếu thu có chữ ký chủ đầu tư là ông T, chữ ký thủ quỹ là ông C và người nộp tiền là ông D, thực tế thì ngày 30/12/2013 ông D chỉ giao nộp cho ông C 01 lần số tiền 40.000.000 đồng. Còn đối với số tiền 4.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 03/3/2015, ông T thu của ông D thì số tiền này không liên quan gì đến việc thi công đường dây điện ba pha tại buôn E vì đây là tiền truy thu 3 sào tương đương 4.500.000 đồng ông D còn thiếu khi đóng tiền điện tích đất rẫy để kéo điện (lúc này đường dây điện buôn E đã quyết toán xong). Số tiền 14.535.000 đồng ông D bỏ ra để mua dây và cột điện để kéo chi nhánh cho các hộ dân và tiền công di chuyển cột chôn do ông D tự làm ông C không chịu trách nhiệm và ông D không cung cấp được tài liệu chứng cứ để xác định ông C thuê ông D làm. Do vậy, ông D yêu cầu trừ các tiền trên là không có cơ sở.

Ông D, ông C khẳng định không còn hộ dân nào nợ tiền kéo đường dây điện. Theo dự kiến thì số hộ dân tham gia kéo đường dây điện là 25 hộ/23,7ha với số tiền 15.000.000đ/ha = 355.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo danh sách các hộ dân và diện tích đã đóng tiền điện kèm theo thì tổng số tiền các hộ dân đóng là 348.000.000 đồng. Ông D đã thanh toán cho ông C số tiền 293.000.000 đồng. Như vậy, ông D còn phải trả cho ông C số tiền 55.000.000 đồng. Quá trình thi công đường dây ông C có hứa thưởng cho ông D số tiền tương đương 1ha là 15.000.000 đồng, mặc dù ông C không đồng ý trả cho ông D số tiền 15.000.000 đồng với lý do ông D không huy động đủ 25ha như thỏa thuận ban đầu nhưng xét thấy việc thỏa thuận hứa thưởng đều được các bên thừa nhận và ông D đã thực hiện việc huy động người dân tham gia kéo điện và đã thu đủ tiền của các hộ dân. Vì vậy, cần khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng (tương đương 1ha) mà ông D được hưởng.

Từ những nhận định trên xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, buộc bị đơn ông Trần Văn D phải hoàn trả cho ông C số tiền 40.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu ông D phải hoàn trả số tiền 35.500.000 đồng là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông Trần Văn D là không có cơ sở để chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

[3]. Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Trần Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C, buộc bị đơn ông Trần Văn D phải trả cho ông Lê Văn C số tiền 40.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu ông Trần Văn D phải hoàn trả số tiền 35.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn C do ông C thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi).

Bị đơn ông Trần Văn D phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

300.000 đồng ông Trần Văn D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020653, ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng